

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HS-ST
Ngày: 15/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hiền
2. Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 29/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HS ngày 09/4/2024 đối với bị cáo:

H (T), sinh năm 1989 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số A, khu phố B, phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của **Công an P1, thành phố B** không xác định được tên cha của bị cáo **T** nhưng tại phiên tòa bị cáo trình bày bị cáo con ông **Huỳnh Hữu T1**, sinh năm 1970 (theo các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thì cha của bị cáo còn có các tên: **Huỳnh Văn T2**, sinh năm 1970; **Huỳnh Thanh T3**, sinh năm 1969) và bà **Hàng Thanh V**; sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 12/12/2002 bị **Ủy ban nhân dân thị xã B** Quyết định đưa vào **Trường G** thời hạn 24 tháng do có hành vi “Trộm cắp tài sản” (Quyết định số 2897);

- Ngày 28/9/2006 bị Toà án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là **thành phố B**) xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai tội là 05 năm tù. (Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2006/HSST, chấp hành xong bản án ngày 03/6/2011);

- Ngày 26/6/2012 bị Toà án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. (Bản án Hình sự sơ thẩm số 40/2012/HSST, chấp hành xong bản án ngày 03/9/2013);

- Ngày 23/11/2016 bị Công an P1, thành phố B xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28/QĐ-XPHC);

- Ngày 27/3/2017 bị Ủy ban nhân dân Phường D2, thành phố B, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số 09/QĐ-UBND);

- Ngày 02/4/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 14 tháng đến ngày 10/4/2019 chấp hành xong (Quyết định số 11/QĐ-TA);

- Ngày 06/8/2019 bị Công an P1, thành phố B ra xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số 20/QĐ-XPHC);

- Ngày 21/01/2020 bị Ủy ban nhân dân Phường D2, thành phố B, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 16/QĐ-UBND);

- Ngày 13/5/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng (Quyết định Áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 12/QĐ-TA, đến ngày 24/7/2021 chấp hành xong);

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/12/2023 cho đến nay, có mặt.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo do D2, thành phố B, tỉnh Bến Tre cử: Bà Trần Thị Ngọc D – Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản H2, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

- Người bào chữa của bị cáo: Luật sư Nguyễn Nhật N – Văn phòng Luật sư Nguyễn Hữu D1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. Có mặt

- Bị hại: Nguyễn Chí P, sinh năm 1999; nơi cư trú: số A, ấp T, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre. Có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lê Phước H, sinh năm 1992, khu phố B, phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 05 phút ngày 30/9/2023, Hàng Đức T4 điều khiển xe mô tô (Thái không nhớ được biển số) do T4 mua xe không rõ nguồn gốc lưu thông trên đường V (thuộc tuyến Quốc lộ F) theo hướng từ vòng xoay Phường F về cầu H để nhặt ve chai. Đến đoạn trước cửa hàng T5 ở số A, ấp B, xã B, thành phố B Thái thấy anh Nguyễn Chí P, sinh năm: 1999, ĐKTT: Số A, ấp T, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre đang nằm ngủ phía trong lề, bên ngoài vỉa hè có dựng xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave, biển số: 71K1-033.52, màu: xanh bạc, trên xe còn chìa khóa khởi động nên nảy sinh ý định lấy trộm. T4 điều khiển xe của T4 đến đầu hẻm H, Phường D, thành phố B gặp Lê Phước H, sinh năm: 1996, ĐKTT: Số A, Khu phố B, Phường D,

thành phố B nhờ H chở đến gần khu vực Siêu thị Đ ở ấp B, xã B để ghé nhà bạn của T4 thì H đồng ý. H điều khiển xe mô tô của T4 chở T4 đến khu vực cách vị trí anh P đang ngủ khoảng 90 mét, T4 kêu H dừng xe bỏ T4 xuống và H điều khiển xe T4 về nhà H cất giữ xe mô tô của T4 giúp T4. Sau khi H điều khiển xe về, T4 đi bộ đến vị trí xe anh P, lấy xe anh P và điều khiển xe về nhà T4 ở số A, Khu phố B, Phường D, thành phố B cất giấu. T4 mở cốp xe mô tô Biển số: 71K1-033.52 thấy trong cốp xe có 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) ví da màu nâu, bên trong ví da có các giấy tờ gồm: 01 (một) thẻ Căn cước công dân, 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 tên Nguyễn Chí P; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng C tên Nguyễn Chí P; 01 (một) Thẻ ngân hàng M và 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). T4 lấy 500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Xe mô tô Biển số: 71K1-033.52 Thái sử dụng làm phương tiện đi lại. Điện thoại di động Iphone 8 Thái bán cho một người nam thanh niên gặp trên đường (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) được 800.000 đồng, T4 mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung giá 600.000 đồng còn 200.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đối với các giấy tờ tùy thân của anh P, T4 ném bỏ nên không thu hồi được.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô biển số: 71K1-033.52 nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave, màu sơn: xanh bạc; số máy: JA39E2995897; số khung: RLHJA3929NY527213; 01 (một) ví da màu nâu, trên ví da có chữ ký và chữ Ng.C. Phụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu hồng; hiệu A7; số IMEI 1: 356825/07/10877014 ; IMEI 2 : 356850/07/10877012 đã qua sử dụng, bề màn hình.

Riêng xe mô tô không xác định được biển số của Hàng Đức T4 sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Hiện tại T4 đã bán, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 978/KL-HĐĐG ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave, màu sơn: xanh bạc, biển số: 71K1-033.52, số máy: JA39E2995897; số khung: RLHJA3929NY 527213 đã qua sử dụng, mua vào tháng 02/2023, trị giá ngày 30/9/2023: 9.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8, màu trắng, đã qua sử dụng, mua vào tháng 5/2023 (định giá trên hồ sơ), trị giá ngày 30/9/2023: 2.000.000 đồng; 01 (một) bóp da màu đen, đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 30/9/2023: 10.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T4 chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Chí P là: 11.510.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 166/KL-VPYTW ngày 08/3/2024 của Viện Pháp y Tâm thần Trung ương B kết luận:

Về Y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy và sử dụng các chất tác động tâm thần khác (F19.71 – ICD.10);

Về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi:

Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi;

Hiện nay: Đương sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, **Hàng Đức T4** đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị can phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tang vật thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKSTPBT ngày 29/03/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Về hình phạt chính: áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã trả cho bị hại **Nguyễn Chí P** 01 (một) xe mô tô biển số: 71K1-033.52 nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave, màu sơn: xanh bạc; số máy: JA39E2995897; số khung: RLHJA3929NY527213; 01 (một) ví da màu nâu, trên ví da có chữ ký và chữ Ng.C. Phụng.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại **Nguyễn Chí P** số tiền 2.500.000 đồng (gồm: điện thoại di động Iphone 8 Thái lấy trộm của **P** giá trị 2.000.000 đồng và 500.000 đồng **T4** lấy từ trong bóp của **P**).

Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu hồng; hiệu A7; số IMEI 1: 356825/07/10877014 ; IMEI 2: 356850/07/10877012.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 2.500.000 đồng như bị hại yêu cầu. Việc bị cáo bị kết luận bị hạn chế năng lực hành vi dân sự là do bị cáo sử dụng ma túy gây ra. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Đại diện hợp pháp của bị cáo trình bày: Lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa là tự nguyện, không bị ép buộc. Bị cáo là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự tại thời điểm phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa của bị cáo trình bày: Thống nhất với tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát truy tố và đề nghị. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất khung hình phạt quy định.

Bị hại trình bày: Việc anh bị mất tài sản như cáo trạng đã nêu. Anh đã nhận lại xe bị mất trộm. Đối với điện thoại di động và số tiền 500.000 đồng anh chưa nhận lại được nên yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh số tiền 2.500.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 04 giờ 05 phút ngày 30/9/2023, Hàng Đức T4 đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 (một) xe mô tô Biển số: 71K1-033.52 trị giá 9.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 trị giá 2.000.000 đồng; 01 (một) bóp da màu đen, trị giá 10.000 đồng; tiền Việt Nam: 500.000 đồng của anh Nguyễn Chí P tại khu vực trước Cửa hàng T5 ở Số A, ấp B, xã B, thành phố B. Tổng giá trị tài sản T4 lấy trộm của anh P 11.510.000 đồng.

[3] Với động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã một mình cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 11.510.000 đồng. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng không thuộc trường hợp được miễn trừ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng đã nhiều lần bị kết án và bị xử phạt vi phạm hành chính. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Theo kết luận giám định số 166/KL-VPYTW ngày 08/3/2024 của **Viện Pháp y Tâm thần Trung ương B** kết luận: bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi trước, trong và sau khi gây án. Nguyên nhân là do bị cáo sử dụng nhiều loại ma túy và sử dụng các chất tác động tâm thần khác nên không xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình” theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã trả cho bị hại **Nguyễn Chí P** 01 (một) xe mô tô biển số: 71K1-033.52 nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave, màu sơn: xanh bạc; số máy: JA39E2995897; số khung: RLHJA3929NY527213; 01 (một) ví da màu nâu, trên ví da có chữ ký và chữ Ng.C. Phụng.

Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng (bao gồm giá trị điện thoại di động Iphone 8 không thu hồi được và 500.000 đồng bị cáo lấy trộm của bị hại không thu hồi được) là phù hợp nên được chấp nhận.

Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu hồng; hiệu A7; số IMEI 1: 356825/07/10877014 ; IMEI 2: 356850/07/10877012 là tài sản bị cáo có được do bán tài sản đã lấy trộm của bị hại để mua.

[8] Đối với **Lê Phúc H1** khi điều khiển xe của **T4** để chở **T4** đến khu vực **Siêu thị Đ** và chạy xe của **T4** về nhà **H1** nhưng **H1** không biết việc này là để giúp sức cho **T4** trộm cắp tài sản nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với **H1** là phù hợp.

Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** xác minh làm rõ đối tượng mà **T4** khai đã mua điện thoại mà **T4** đã trộm của bị hại để tiến hành giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với xe mô tô **T4** dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội **T4** khai không nhớ rõ biển số, hiện tại **T4** đã bán, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù

hợp nên được chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa có phần chưa phù hợp nên chỉ được chấp nhận một phần.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Hàng Đức T4** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Hàng Đức T4** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại **Nguyễn Chí P** số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu hồng; hiệu A7; số IMEI 1: 356825/07/10877014 ; IMEI 2: 356850/07/10877012 (của bị cáo giao nộp).

Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo **Hàng Đức T4** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo **Hàng Đức T4** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa của bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P.4, TPBT (1b);
- NTGTT (5b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình